

**Deloitte**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ  
QUẢNG NINH**

*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2015



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2-3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4-5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8-28

1125  
CÔNG  
THÀNH  
E LOI  
MIET N  
DA V

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Quảng Ninh (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn Nghĩa	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 01 năm 2015)
Ông Nguyễn Hữu Thành	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 01 năm 2015)
Ông Trần Xuân Là	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Trần Tuấn	Ủy viên
Ông Tạ Hoài Hạnh	Ủy viên

#### Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Duy Long	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015)
	Phó Giám đốc phụ trách Công ty (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 01 năm 2015)
Ông Nguyễn Trần Tuấn	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 01 năm 2015)
Ông Trần Quý Văn	Phó Giám đốc

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

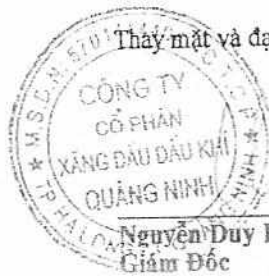
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

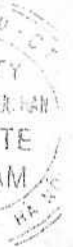
Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Duy Long  
Giám Đốc

Ngày 25 tháng 02 năm 2016





Số: 370 /VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Quảng Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Quảng Ninh (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 02 năm 2016, từ trang 04 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		128.028.526.988	193.134.662.542
<b>I. Tiền</b>	110		6.232.717.288	2.876.751.098
1. Tiền	111	5	6.232.717.288	2.876.751.098
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130		119.504.615.334	175.184.705.131
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	147.197.938.552	216.471.306.029
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		689.500	689.500
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.190.254.263	1.751.552.822
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(29.246.245.481)	(43.197.702.106)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		361.978.500	158.858.886
<b>III. Hàng tồn kho</b>	140	9	2.257.994.805	14.411.878.192
1. Hàng tồn kho	141		2.257.994.805	14.411.878.192
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150		33.199.561	661.328.121
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		18.991.818	25.854.460
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	10	-	609.043.793
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	14.207.743	26.429.868
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		12.994.290.326	15.709.552.002
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	210		-	50.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	-	50.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	220		12.509.739.474	13.619.861.706
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	6.546.921.207	7.607.350.107
- Nguyên giá	222		9.348.871.175	9.348.871.175
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.801.949.968)	(1.741.521.068)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	5.962.818.267	6.012.511.599
- Nguyên giá	228		6.087.731.678	6.087.731.678
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(124.913.411)	(75.220.079)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	260		484.550.852	2.039.690.296
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		484.550.852	2.039.690.296
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	270		<b>141.022.817.314</b>	<b>208.844.214.544</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

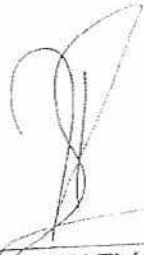


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃ SỐ B 01-DN  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>106.843.963.033</b>	<b>188.863.566.564</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>106.843.963.033</b>	<b>188.863.566.564</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	66.018.748.217	179.591.971.572
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.487.377.555	283.604.924
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	15.165.547.727	6.108.070.075
4. Phải trả người lao động	314		1.428.554.145	534.911.845
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		471.873.119	73.851.700
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	229.628.182
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	456.800.755	1.978.540.657
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	20.892.513.200	-
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		837.860.706	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		84.687.609	62.987.609
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>34.178.854.281</b>	<b>19.980.647.980</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>34.178.854.281</b>	<b>19.980.647.980</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		59.180.000.000	59.180.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		59.180.000.000	59.180.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.468.347.593	2.468.347.593
3. (Lỗ) lũy kế	420		(27.469.493.312)	(41.667.699.613)
- (Lỗ) lũy kế/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(41.667.699.613)	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ) năm nay	421b		14.198.206.301	(41.667.699.613)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>141.022.817.314</b>	<b>208.844.214.544</b>

  
 Trương Thị Thúy Hằng  
 Người lập biểu

Ngày 25 tháng 02 năm 2016

  
 Nguyễn Thị Thăng  
 Kế toán trưởng

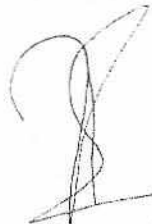
  
 Nguyễn Duy Long  
 Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

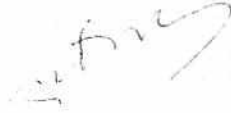
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


MẪU SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND

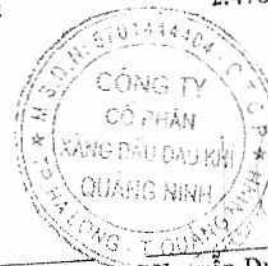
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng	01	18	1.237.325.147.078	1.677.113.564.716
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10		1.237.325.147.078	1.677.113.564.716
4. Giá vốn hàng bán	11	19	1.205.028.186.359	1.653.789.023.346
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		32.296.960.719	23.324.541.370
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		94.358.261	50.758.212
7. Chi phí tài chính	22		852.624.813	1.211.384.303
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		764.897.165	-
8. Chi phí bán hàng	25	20	18.911.108.444	11.376.809.605
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	(3.553.063.847)	51.534.397.989
10. Lợi nhuận thuần/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		16.180.649.570	(40.747.292.315)
11. Thu nhập khác	31		161.863.034	-
12. Chi phí khác	32		438.884.080	920.407.298
13. Lỗ khác (40=31-32)	40		(277.021.046)	(920.407.298)
14. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		15.903.628.524	(41.667.699.613)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	1.240.804.982	-
16. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		14.662.823.542	(41.667.699.613)
17. Lãi/(Lỗ) trên cổ phiếu	70	22	2.478	(7.041)

  
Trương Thị Thúy Hằng  
Người lập biểu

Ngày 25 tháng 02 năm 2016

  
Nguyễn Thị Thăng  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Duy Long  
Giám đốc



Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MÀU SỐ B 03-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	01		15.903.628.524	(41.667.699.613)
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
Khấu hao tài sản cố định	02	11 & 12	1.110.122.232	888.078.273
Các khoản dự phòng (Lãi) từ hoạt động đầu tư	03		(13.951.456.625)	43.197.702.106
Chi phí lãi vay	05		(94.358.261)	(50.758.212)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	06		764.897.165	-
Giảm các khoản phải thu	08		3.732.833.035	2.367.322.554
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	09		70.135.415.099	59.571.905.671
(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	10		12.153.883.387	(5.438.748.810)
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	11		(104.174.621.713)	(45.552.962.129)
Tiền lãi vay đã trả	12		1.562.002.086	(1.325.524.986)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(764.897.165)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	15	10	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	17		(275.520.000)	(792.637.617)
	20		(17.630.905.271)	8.829.354.683
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(5.184.347.553)
2. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		94.358.261	50.758.212
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		94.358.261	(5.133.589.341)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	25	218.402.213.603	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	25	(197.509.700.403)	-
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36		-	(2.367.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		20.892.513.200	(2.367.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		3.355.966.190	1.328.565.342
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.876.751.098	1.548.185.756
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70		6.232.717.288	2.876.751.098

Trương Thị Thúy Hằng  
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thăng  
Kế toán trưởng

Nguyễn Duy Long  
Giám đốc

Ngày 25 tháng 02 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Quảng Ninh (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 5701444404 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 26 tháng 11 năm 2010 (Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 14 tháng 12 năm 2012).

Vốn cổ phần của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 68 tỷ VND.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 51 người (ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 59 người).

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn dầu thô;
- Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan;
- Bán lẻ nhiên liệu, động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế;
- Sản xuất hóa chất cơ bản;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- Xây dựng công trình công ích, các bể chứa;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, ven biển, biển dương và vận tải đường ống.

Hoạt động chính của Công ty là bán buôn và bán lẻ khí đốt, nhiên liệu trong các cửa hàng chuyên doanh.

#### Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh đã được phân loại lại cho phù hợp với số liệu của năm nay.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu ngắn hạn khác và phải thu dài hạn khác.

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán ngắn hạn, phải trả ngắn hạn khác, chi phí phải trả ngắn hạn, và vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2015
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Thiết bị văn phòng	3
Phương tiện vận tải	6 - 10

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

**Quyền sử dụng đất:** Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn được phép sử dụng đất. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

**Phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác:** Công ty có một phần tài sản vô hình là các phần mềm máy tính và các phần hỗ trợ phần mềm máy tính được thực hiện khấu hao trong vòng từ 3 tới 6 năm.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng, và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 3 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, không có khoản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận cho khoản lỗ mang sang do Công ty không chắc chắn về khả năng thu được lợi nhuận trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	357.320.780	556.554.539
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	5.875.396.508	2.320.196.559
	<u>6.232.717.288</u>	<u>2.876.751.098</u>

(\*) Bao gồm tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Hạ Long với số tiền là 1.164.326.594 VND tạm thời không được giao dịch. Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương đã được Ngân hàng Nhà nước mua lại, theo đó Ban Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ thu hồi được trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

Ngoài ra, toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Quảng Ninh (Xem Thuyết minh số 15).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Vật tư Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin - Xí nghiệp vật tư Cẩm Phả	52.430.500.797	60.289.724.000
Chi nhánh Tổng Công ty Đông Bắc - Công ty Dầu tư Xây dựng & Thương mại	36.745.357.071	15.629.884.136
Công ty TNHH MTV Petro Bình Minh Cẩm Phả	14.299.799.050	14.963.799.050
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Bảo Lâm	12.027.320.428	14.827.320.428
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tài chính Toàn Cầu	10.183.121.191	9.996.314.921
Công ty Cổ phần Xăng dầu Việt Tín	2.919.126.003	14.119.126.003
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đông Triều	-	14.114.777.053
Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc - Vinacomin	2.452.702.175	14.312.454.841
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Du lịch Cẩm Phả	11	9.924.444.143
Các khoản phải thu khách hàng khác	16.140.011.826	48.293.461.454
	<b>147.197.938.552</b>	<b>216.471.306.029</b>

Các khoản phải thu theo Hợp đồng kinh tế đã và sẽ ký kết giữa Bên vay và các đối tác khác đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn với Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển - Chi nhánh Quảng Ninh (Xem Thuyết minh số 15).

**7. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	407.051.032	542.392.656
Phải thu người lao động	408.879.888	1.034.345.827
Phải thu tiền đền bù Công ty cổ phần xăng dầu dầu khí Cái Lân	136.149.338	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2013 & 2014 tạm trích thừa	-	167.397.241
Phải thu khác	238.174.005	7.417.098
<b>Cộng</b>	<b>1.190.254.263</b>	<b>1.751.552.822</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Ký cược, ký quỹ	-	50.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>50.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**8. NỢ XẤU**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
Công ty Cổ phần Xăng dầu Việt Tín	2.919.126.003	-	14.119.126.003	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Bảo Lâm	12.027.320.428	-	14.827.320.428	9.827.320.428
Công ty TNHH MTV Petro Bình Minh Cẩm Phả	14.299.799.050	-	14.963.799.050	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đông Triều	-	-	14.114.777.053	5.000.000.000
	<b>29.246.245.481</b>	<b>-</b>	<b>58.025.022.534</b>	<b>14.827.320.428</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hóa (*)	2.084.855.761	-	14.224.735.048	-
Hàng gửi bán	173.139.044	-	187.143.144	-
	<b>2.257.994.805</b>	<b>-</b>	<b>14.411.878.192</b>	<b>-</b>

(\*) Hàng hóa tồn kho là mặt hàng xăng dầu và dầu mỡ nhờn tồn tại các kho hàng gửi Tổng công ty và tại các cửa hàng xăng dầu của Công ty tại thời điểm cuối năm tài chính.

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	01/01/2015	Phát sinh trong năm			31/12/2015
		Tăng	Số đã bù trừ	Số đã thực nộp	
		VND	VND	VND	
<b>a. Các khoản phải thu</b>					
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	609.043.793	121.374.258.362	121.983.302.155	-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	26.429.868	14.207.743	26.429.868	-	14.207.743
Cộng	<b>635.473.661</b>	<b>121.388.466.105</b>	<b>122.009.732.023</b>	<b>-</b>	<b>14.207.743</b>
<b>b. Các khoản phải trả</b>					
Thuế giá trị gia tăng	-	135.313.135.642	121.983.302.155	11.794.035.507	1.535.797.980
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.240.804.982	26.429.868	-	1.214.375.114
Thuế thu nhập cá nhân	1.647.925	78.044.319	-	79.692.244	-
Thuế môi trường	6.106.422.150	109.963.906.330	-	103.944.078.174	12.126.250.306
Thuế môn bài	-	8.000.000	-	8.000.000	-
Thuế khác	-	289.124.327	-	-	289.124.327
Cộng	<b>6.108.070.075</b>	<b>246.893.015.600</b>	<b>122.009.732.023</b>	<b>115.825.805.925</b>	<b>15.165.547.727</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	1.792.367.628	496.363.636	6.833.366.584	226.773.327	9.348.871.175
Tại ngày 31/12/2015	1.792.367.628	496.363.636	6.833.366.584	226.773.327	9.348.871.175
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	254.333.659	120.742.426	1.284.334.351	82.110.632	1.741.521.068
Khấu hao trong năm	149.363.976	70.909.092	793.007.904	47.147.928	1.060.428.900
Tại ngày 31/12/2015	403.697.635	191.651.518	2.077.342.255	129.258.560	2.801.949.968
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2015	1.388.669.993	304.712.118	4.756.024.329	97.514.767	6.546.921.207
Tại ngày 31/12/2014	1.538.033.969	375.621.210	5.549.032.233	144.662.695	7.607.350.107

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm các TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 51.454.545 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 98.454.545 VND).

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2015	5.779.271.678	271.760.000	36.700.000	6.087.731.678
Tại ngày 31/12/2015	5.779.271.678	271.760.000	36.700.000	6.087.731.678
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2015	-	59.486.660	15.733.419	75.220.079
Khấu hao trong năm	-	37.460.004	12.233.328	49.693.332
Tại ngày 31/12/2015	-	96.946.664	27.966.747	124.913.411
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 31/12/2015	5.779.271.678	174.813.336	8.733.253	5.962.818.267
Tại ngày 31/12/2014	5.779.271.678	212.273.340	20.966.581	6.012.511.599

Nguyên giá của TSCĐ vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm các TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 47.000.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 47.000.000 VND).



**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ QUẢNG NINH**

Số 162, Phố Nguyễn Văn Trỗi, Tổ 14, Khu 4, Phường Hồng Hà

Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	01/01/2015		31/12/2015	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	65.530.723.710	65.530.723.710	178.592.707.498	178.592.707.498
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	112.930.101	112.930.101	56.983.825	56.983.825
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV Xí nghiệp Tổng kho xăng dầu Đình Vũ	812.641	812.641	16.454.824	16.454.824
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	4.135.000	4.135.000	-	-
Công ty TNHH Petro Bình Minh	19.471.870	19.471.870	-	-
Cộng	65.668.073.322	65.668.073.322	178.666.146.147	178.666.146.147
<b>b. Phải trả cho các đối tượng khác</b>	350.674.895	350.674.895	925.825.425	925.825.425
	<u>66.018.748.217</u>	<u>66.018.748.217</u>	<u>179.591.971.572</u>	<u>179.591.971.572</u>

**14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>a. Phải trả ngắn hạn khác các bên liên quan</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	181.868.774
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	-	858.070.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV OIL Hải Phòng	-	17.013.000
Cộng	-	1.056.951.774
<b>b. Phải trả ngắn hạn khác các đối tượng khác</b>		
Tài sản thừa chờ giải quyết	105.608.555	28.278.320
Kinh phí công đoàn	48.837.191	37.105.729
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	1.803.505	55.805.335
Phải trả CBCNV đã ứng trước tiền	295.083.609	569.959.743
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.467.895	230.439.756
Cộng	<u>456.800.755</u>	<u>921.588.883</u>
	<u>456.800.755</u>	<u>1.978.540.657</u>

**15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	VND		VND	VND	VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	-	-	129.408.840.130	129.408.840.130	-	-
Ngân hàng HD Bank (i)	-	-	55.071.544.813	41.508.031.613	13.563.513.200	13.563.513.200
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Quảng Ninh (ii)	-	-	33.921.828.660	26.592.828.660	7.329.000.000	7.329.000.000
	-	-	<u>218.402.213.603</u>	<u>197.509.700.403</u>	<u>20.892.513.200</u>	<u>20.892.513.200</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

- (i) Phản ánh khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 0086/2015/HĐTDHM-DN ngày 15 tháng 6 năm 2015 với Ngân hàng HD Bank. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 50.000.000.000 VND và đáo hạn trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Khoản vay này được sử dụng để bổ sung vốn lưu động hoạt động sản xuất kinh doanh và chịu lãi suất là 6%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm, vay dưới hình thức tín chấp. Lãi vay trả vào ngày 25 hàng tháng.
- (ii) Phản ánh khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2015/4023590/HĐTD ngày 15 tháng 7 năm 2015 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Quảng Ninh. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 100.000.000.000 VND và đáo hạn kể từ ngày ký Hợp đồng đến ngày 31 tháng 3 năm 2016. Khoản vay này được sử dụng để bổ sung vốn lưu động hoạt động sản xuất kinh doanh, mở L/C bảo lãnh. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Bên vay (như tại Thuyết minh số 5) và các khoản phải thu theo Hợp đồng kinh tế đã và sẽ ký kết giữa Bên vay và các đối tác khác mà Bên vay là người thụ hưởng (như tại Thuyết minh số 6). Lãi vay trả vào ngày 25 hàng tháng.

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	(Lỗ) lũy kế	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	59.180.000.000	782.513.977	520.637.362	3.774.444.569	64.257.595.908
Lỗ trong năm	-	-	-	(41.667.699.613)	(41.667.699.613)
Trích từ lợi nhuận	-	970.996.878	194.199.376	(1.165.196.254)	-
Công bố trả cổ tức năm 2013	-	-	-	(2.367.200.000)	(2.367.200.000)
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2013 & 2014 (i)	-	-	-	(242.048.315)	(242.048.315)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2014</b>	<b>59.180.000.000</b>	<b>1.753.510.855</b>	<b>714.836.738</b>	<b>(41.667.699.613)</b>	<b>19.980.647.980</b>
Phân loại lại theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC	-	714.836.738	(714.836.738)	-	-
<b>Số dư tại ngày 01/01/2015</b>	<b>59.180.000.000</b>	<b>2.468.347.593</b>	<b>-</b>	<b>(41.667.699.613)</b>	<b>19.980.647.980</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	14.662.823.542	14.662.823.542
Quyết toán quỹ khen thưởng, phúc lợi tạm trích năm 2013 & 2014 (i)	-	-	-	(167.397.241)	(167.397.241)
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2015 (ii)	-	-	-	(297.220.000)	(297.220.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2015</b>	<b>59.180.000.000</b>	<b>2.468.347.593</b>	<b>-</b>	<b>(27.469.493.312)</b>	<b>34.178.854.281</b>

- (i) Trích quỹ từ lợi nhuận và công bố trả cổ tức năm 2013 với tỷ lệ 4% theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên số 13/NQ-DVN ngày 26 tháng 3 năm 2014. Khoản trích quỹ thừa trong năm 2014 số tiền 167.397.241 VND sẽ được lấy từ lợi nhuận năm 2015.
- (ii) Các khoản tạm trích lập quỹ từ lợi nhuận sau thuế sẽ được điều chỉnh sau khi được phê duyệt bởi Đại hội đồng cổ đông.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty là 68 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (sửa đổi)		Vốn thực góp	
	VND	%	31/12/2015	31/12/2014
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	34.680.000.000	51	34.680.000.000	34.680.000.000
Công ty TNHH Vận tải Bình Minh (i)	23.120.000.000	34	14.300.000.000	14.300.000.000
Ông Tạ Hoài Hạnh (ii)	10.200.000.000	15	-	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Bách Việt	-	-	10.200.000.000	10.200.000.000
	<b>68.000.000.000</b>	<b>100,0</b>	<b>59.180.000.000</b>	<b>59.180.000.000</b>

- (i) Theo Nghị quyết số 368/NQ-DKQN ngày 24 tháng 6 năm 2013, quyền góp vốn điều lệ còn thiếu 8,82 tỷ VND (tương đương 12,97% vốn điều lệ) đã được chấp thuận chuyển nhượng cho nhà đầu tư bên ngoài trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày ban hành Nghị quyết. Nếu trong vòng 01 tháng kể từ ngày ban hành Nghị quyết này, không có nhà đầu tư nào góp vốn thì sẽ thực hiện giảm vốn xuống còn 59,18 tỷ VND. Đến thời điểm lập báo cáo này, không có cổ đông nào thực hiện góp vốn bổ sung vào Công ty và Công ty đang trong quá trình thực hiện việc sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- (ii) Đại hội đồng cổ đông thống nhất việc chuyển nhượng số cổ phần của ông Tạ Hoài Hạnh - cổ đông sáng lập của Công ty sang cho Công ty Cổ phần Địa ốc Bách Việt. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, ông Tạ Hoài Hạnh đã thực hiện xong việc chuyển nhượng cổ phần cho Công ty Cổ phần Địa ốc Bách Việt nhưng Công ty chưa hoàn tất các thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Công ty dự kiến sẽ hoàn thành các thủ tục này trong thời gian tới.

**17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Tài sản nhận giữ hộ**

	Đơn vị	31/12/2015	31/12/2014
Vật tư, hàng hóa xăng dầu nhận giữ hộ	lít	18.289	310.541

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ QUẢNG NINH**

Số 162, Phố Nguyễn Văn Trỗi, Tổ 14, Khu 4, Phường Hồng Hà

Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**18. DOANH THU BÁN HÀNG**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng</b>		
Trong đó:		
Doanh thu từ kinh doanh xăng dầu	1.236.767.980.619	1.673.771.024.462
Doanh thu từ kinh doanh sản phẩm hóa dầu	557.166.459	3.342.540.254
	<u>1.237.325.147.078</u>	<u>1.677.113.564.716</u>
<b>Doanh thu từ các bên liên quan</b>		
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil miền Bắc	169.393.745	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	2.027.923.492	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	2.669.090.909	-
	<u>4.866.408.146</u>	<u>-</u>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn kinh doanh xăng dầu	1.204.565.477.453	1.649.672.836.234
- Trong đó:		
Giá vốn hàng bán	1.202.991.367.414	1.647.663.546.280
Hao hụt xăng dầu	1.574.110.039	2.009.289.954
Giá vốn kinh doanh sản phẩm hóa dầu	462.708.906	4.116.187.112
	<u>1.205.028.186.359</u>	<u>1.653.789.023.346</u>

**20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	4.281.052.354	4.672.323.557
Chi phí đồ dùng văn phòng	110.416.592	258.306.599
Chi phí khấu hao tài sản cố định	267.152.952	245.531.529
Thuế, phí và lệ phí	175.951.655	306.804.487
Dự phòng phải thu khó đòi trích lập	12.027.320.428	43.197.702.106
Dự phòng phải thu khó đòi hoàn nhập	(25.978.777.053)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	244.534.528	256.494.618
Chi phí bằng tiền khác	5.319.284.697	2.597.235.093
	<u>(3.553.063.847)</u>	<u>51.534.397.989</u>
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	3.691.211.054	1.658.717.835
Chi phí công cụ, dụng cụ	148.198.696	145.424.379
Chi phí khấu hao tài sản cố định	842.969.280	642.546.744
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.910.963.765	5.255.592.944
Chi phí bằng tiền khác	7.317.765.649	3.674.527.703
	<u>18.911.108.444</u>	<u>11.376.809.605</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	15.903.628.524	(41.667.699.613)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng:</i>	6.825.878.634	32.149.087.808
Trích lập dự phòng phải thu quá hạn vượt quy định theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC trong năm	6.013.660.214	31.922.207.808
Chi phí khác không được khấu trừ (i)	812.218.420	226.880.000
<i>Trừ:</i>	(20.978.777.053)	-
Trích lập dự phòng phải thu quá hạn vượt quy định theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC đã được loại trừ khi tính thuế năm 2014	(20.978.777.053)	-
Thu nhập chịu thuế	1.750.730.105	(9.518.611.805)
Chuyển lỗ từ năm trước	-	-
Thu nhập tính thuế sau khi kết chuyển lỗ năm trước	1.750.730.105	(9.518.611.805)
Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	385.160.623	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay (ii)	855.644.359	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.240.804.982</b>	<b>-</b>

(i) Bao gồm tiền phạt vi phạm về thuế năm 2014 là 288.524.327 VND và các chi phí không đáp ứng đủ điều kiện là chi được trừ khi xác định thu nhập tính thuế.

(ii) Theo Quyết định về việc xử lý vi phạm về thuế qua kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế số 74/QĐ-CT ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Cục thuế tỉnh Quảng Ninh, số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2014 cần truy thu là 855.644.359 VND, do Cục thuế không chấp nhận chi phí dự phòng phải thu khó đòi của năm 2014 là chi phí được trừ khi xác định thu nhập tính thuế.

**22. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

Lợi nhuận

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	14.662.823.542	(41.667.699.613)
	<b>14.662.823.542</b>	<b>(41.667.699.613)</b>

Số cổ phiếu

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.918.000	5.918.000
Lãi/(Lỗ) trên cổ phiếu	2.478	(7.041)

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ QUẢNG NINH**

Số 162, Phố Nguyễn Văn Trỗi, Tổ 14, Khu 4, Phường Hồng Hà

Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	2.502.561.273	1.763.841.819
	<b>2.502.561.273</b>	<b>1.763.841.819</b>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.730.912.000	2.010.912.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	5.067.987.733	6.358.899.733
	<b>7.798.899.733</b>	<b>8.369.811.733</b>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Thuê văn phòng với diện tích 236,57 m<sup>2</sup> tại số nhà 162, tổ 14, khu 4, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Giá thuê chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng là 60.000.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn 02 năm tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.
- Thuê cửa hàng xăng dầu Quang Hanh với diện tích 857,9 m<sup>2</sup> tại tổ 6, khu 9b, phường Quang Hanh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Giá thuê chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng là 40.000.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn từ ngày 09 tháng 5 năm 2014 đến ngày 09 tháng 5 năm 2017.
- Thuê cửa hàng xăng dầu Ba Chẽ tại thị trấn Ba Chẽ, huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh. Giá thuê chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng là 29.750.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn từ ngày 09 tháng 9 năm 2014 đến ngày 09 tháng 9 năm 2019.
- Thuê cửa hàng xăng dầu Đại Yên tại phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Giá thuê chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng là 97.826.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn từ ngày 09 tháng 9 năm 2014 đến ngày 09 tháng 9 năm 2019.

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 trừ đi tiền) và có phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).



**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ QUẢNG NINH**

Số 162, Phố Nguyễn Văn Trỗi, Tổ 14, Khu 4, Phường Hồng Hà

Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản vay	20.892.513.200	-
Trừ: Tiền	6.232.717.288	2.876.751.098
Nợ thuần	14.659.795.912	-
Vốn chủ sở hữu	34.178.854.281	19.980.647.980
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,43	-

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền	6.232.717.288	2.876.751.098
Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	118.087.842.409	173.273.603.923
Phải thu dài hạn khác	-	50.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>124.320.559.697</b>	<b>176.200.355.021</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	66.319.299.721	180.392.371.071
Chi phí phải trả ngắn hạn	471.873.119	73.851.700
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20.892.513.200	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>87.683.686.040</b>	<b>180.466.222.771</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

0112  
CÔNG  
HÀNH  
ELO  
IẾT  
04

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty đã thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro về giá hàng hóa bằng các Công ty đã có những chính sách bán hàng áp dụng cho những lần tăng giảm giá. Tuy nhiên, Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro lãi suất sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về lãi suất và giá trong tương lai.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký-kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Độ nhạy của lãi suất**

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty thay đổi như sau:

	<u>Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản</u>	<u>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</u>
		VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015	+200	(417.850.264)
VND	-200	417.850.264
VND		
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014	+200	-
VND	-200	-
VND		

**Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

07  
TY  
H  
ITE  
AM  
P  
HK



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Rủi ro tín dụng (Tiếp theo)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có rủi ro tín dụng liên quan tới các khoản phải thu một số khách hàng được đánh giá khó có khả năng thu hồi với tổng số tiền là 29,2 tỷ đồng (như trình bày tại Thuyết minh số 8). Công ty tin tưởng Công ty đã thiết lập đầy đủ các thủ tục quản lý để giảm thiểu các rủi ro này. Rủi ro tín dụng liên quan tới các khách hàng còn lại được đánh giá không trọng yếu do các khoản phải thu này đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>31/12/2015</b>			
Tiền	6.232.717.288	-	6.232.717.288
Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	118.087.842.409	-	118.087.842.409
<b>Tổng cộng</b>	<b>124.320.559.697</b>	<b>-</b>	<b>124.320.559.697</b>
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	66.319.299.721	-	66.319.299.721
Chi phí phải trả ngắn hạn	471.873.119	-	471.873.119
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20.892.513.200	-	20.892.513.200
<b>Tổng cộng</b>	<b>87.683.686.040</b>	<b>-</b>	<b>87.683.686.040</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>36.636.873.657</b>	<b>-</b>	<b>36.636.873.657</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1-5 năm</u> VND	<u>Tổng cộng</u> VND
31/12/2014			
Tiền	2.876.751.098	-	2.876.751.098
Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	173.273.603.923	-	173.273.603.923
Phải thu dài hạn khác	-	50.000.000	50.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>176.150.355.021</b>	<b>50.000.000</b>	<b>176.200.355.021</b>
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	180.392.371.071	-	180.392.371.071
Chi phí phải trả ngắn hạn	73.851.700	-	73.851.700
<b>Tổng cộng</b>	<b>180.466.222.771</b>	<b>-</b>	<b>180.466.222.771</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(4.315.867.750)</b>	<b>50.000.000</b>	<b>(4.265.867.750)</b>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc đang lập kế hoạch và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Quan hệ</u>
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV OIL)	Chủ sở hữu
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Đình Vũ	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân (PV OIL Cái Lân)	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội (PV OIL Hà Nội)	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil	Cùng chủ sở hữu
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil miền Bắc	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	Cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH Vận tải Bình Minh	Cổ đồng
Công ty Cổ phần Địa ốc Bách Việt	Cổ đồng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>		
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil miền Bắc	169.393.745	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	2.027.923.492	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	2.669.090.909	-
	<u>4.866.408.146</u>	<u>-</u>
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	987.703.883.527	1.658.524.380.872
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	-	641.594.042
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Đình Vũ	-	156.705.908
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil miền Bắc	584.381.272	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	18.087.272.727	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	11.429.057.482	-
	<u>1.017.804.595.008</u>	<u>1.659.322.680.822</u>
<b>Vay hàng hóa</b>		
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	-	780.063.636
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	38.611.770.250	-
	<u>38.611.770.250</u>	<u>780.063.636</u>
<b>Cổ tức đã trả</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	1.449.920.452
Công ty TNHH Vận tải Bình Minh	-	490.832.356
Ông Tạ Hoài Hạnh	-	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Bách Việt	-	426.447.192
	-	<u>2.367.200.000</u>
<b>Thu nhập của Ban Giám đốc</b>	<u>692.500.000</u>	<u>780.270.000</u>

CÔNG  
TY CỔ PHẦN  
XĂNG DẦU  
DẦU KHÍ  
QUẢNG NINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Công ty CP xăng dầu đầu khí Cái Lân	136.149.338	-
	<u>136.149.338</u>	<u>-</u>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	65.530.723.710	178.592.707.498
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	112.930.101	56.983.825
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Đình Vũ	812.641	16.454.824
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	4.135.000	-
Công ty TNHH Petro Bình Minh	19.471.870	-
	<u>65.668.073.322</u>	<u>178.666.146.147</u>
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	181.868.774
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	-	858.070.000
Công ty Cổ phần Xăng Dầu đầu khí PV OIL Hải Phòng	-	17.013.000
	<u>-</u>	<u>1.056.951.774</u>

26. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
<b>Số tiền đi vay thực thu trong năm:</b>		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	218.402.213.603	-
<b>Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:</b>		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	197.509.700.403	-

500  
C  
S TY  
HỮU HẠN  
ITTE  
NAM  
TP HA



CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ QUẢNG NINH  
Số 162, Phố Nguyễn Văn Trỗi, Tổ 14, Khu 4, Phường Hồng Hà  
Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo


MẪU SỐ B 09-DN

**27. SỞ LIỆU SO SÁNH**

Một số số liệu của năm báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

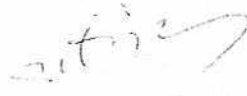
Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC			Theo TT 200/2014/TT-BTC			Đơn vị: VND
Tên chi tiêu	Mã số	31/12/2014 (VND)	Tên chi tiêu	Mã số	31/12/2014 (VND)	Thay đổi
<b>Bảng cân đối Kế toán</b>			<b>Bảng cân đối kế toán</b>			
<b>Tài sản</b>			<b>Tài sản</b>			
1. Các khoản phải thu khác	135	1.041.762.925	1. Phải thu ngắn hạn khác	136	1.751.552.822	Phân loại lại, đổi tên và đổi mã số
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	701.251.542	2. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	158.858.886	Thêm chi tiêu này và phân loại lại
3. Phải thu dài hạn khác	218	-	3. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	- Phân loại lại và đổi mã số
4. Tài sản dài hạn khác	268	50.000.000	4. Phải thu dài hạn khác	216	50.000.000	Phân loại lại và đổi mã số
			5. Tài sản dài hạn khác	268	-	- Phân loại lại
<b>Nợ phải trả</b>			<b>Nợ phải trả</b>			
5. Doanh thu chưa thực hiện	338	229.628.182	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	229.628.182	Thêm chi tiêu này và phân loại lại
			7. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-	- Phân loại lại và đổi mã số
<b>Vốn chủ sở hữu</b>			<b>Vốn chủ sở hữu</b>			
6. Quỹ đầu tư phát triển	417	1.753.510.855	8. Quỹ đầu tư phát triển	418	2.468.347.593	Phân loại lại và đổi mã số
7. Quỹ dự phòng tài chính	418	714.836.738				Bổ chỉ tiêu này
8. (Lỗ) lũy kế	420	(41.835.096.854)	9. (Lỗ) lũy kế	420	(41.667.699.613)	Điều chỉnh hồi tố
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>			<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>			
9. Doanh thu bán hàng	01	1.311.046.651	10. Doanh thu bán hàng	01	1.677.113.564.716	Phân loại lại
10. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	54.532.090.077	01. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	- Phân loại lại

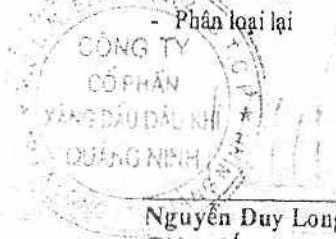
**CHUNG THỰC BẢN SÁO ĐUNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Ngày: 12-04-2016  
Số: 1980  
Quyển Số: 011

  
Trương Thị Thúy Hằng  
Người lập biểu  
Ngày 25 tháng 02 năm 2016

**CÔNG CHỨNG VIẾT**  
VĂN PHÒNG  
CÔNG CHỨNG  
HẠ LONG  
TP. HẠ LONG T. QUẢNG NINH

*Nguyễn Thị Thu Ngân*

  
Nguyễn Thị Thăng  
Kế toán trưởng

  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
XĂNG DẦU DẦU KHÍ  
QUẢNG NINH  
Nguyễn Duy Long  
Giám đốc